

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học theo Hệ thống tín chỉ**

**HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP**

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/04/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22/10/2015 về việc ban hành quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 về việc ban hành Điều lệ trường đại học của Thủ tướng chính phủ;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT, ngày 15 tháng 5 năm 2014 về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Văn bản hợp nhất 02/VBHN-BGDĐT, ngày 29-04-2016 về việc ban hành Thông tư quy định đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 408/QĐ-ĐHTN ngày 22/4/2013 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Đại học Thái Nguyên;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này “**Quy chế đào tạo đại học theo Hệ thống tín chỉ**” tại trường ĐHKTCN - Đại học Thái Nguyên.

**Điều 2:** Quy chế này được áp dụng tại trường ĐHKTCN từ học kỳ I năm học 2017-2018, thay thế cho các Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường đã ban hành trước đây.

**Điều 3:** Các Ông (Bà) trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

Nơi nhận :

- ĐHTN (để b/c);
- Như điều 3 (để t/h);
- Lưu VT, DT.



**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**TRƯỜNG ĐHKTCN**

---



**QUY CHẾ**  
**ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 419/QĐ-ĐHKTCN, ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Hiệu trưởng trường ĐHKTCN)*

THÁI NGUYÊN, THÁNG 7 NĂM 2017

# MỤC LỤC

Chương I.....	1
<b>NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG .....</b>	<b>1</b>
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng .....	1
Điều 2. Sinh viên .....	1
Điều 3. Đăng ký nhập học và sắp xếp ngành đào tạo .....	1
Điều 4. Lớp sinh viên và giáo viên chủ nhiệm .....	1
Điều 5. Hệ thống tín chỉ, tín chỉ và học phí tín chỉ.....	2
Điều 6. Chương trình đào tạo, đề cương tóm tắt .....	2
Điều 7. Học phần.....	3
Chương II .....	4
<b>TỔ CHỨC ĐÀO TẠO.....</b>	<b>4</b>
Điều 8. Thời gian và kế hoạch đào tạo .....	4
Điều 9. Tổ chức lớp học phần và điều kiện mở lớp.....	5
Điều 10. Trách nhiệm của Nhà trường và sinh viên trong việc đăng ký học phần.....	6
Điều 11. Thời gian, phương thức đăng ký và số tín chỉ đăng ký.....	6
Điều 12. Đăng ký học lại, học tiếp và học cải thiện điểm .....	7
Điều 13. Rút bớt học phần đã đăng ký .....	7
Chương III.....	8
<b>ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP .....</b>	<b>8</b>
Điều 14. Đánh giá học phần và chuyển điểm học phần .....	8
Điều 15. Miễn thi, miễn học và chuyển điểm học phần .....	8
Điều 16. Tổ chức kiểm tra, thi kết thúc học phần và chấm điểm. ....	10
Điều 17. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi, xử lý điểm, số lần được dự thi.....	11
Điều 18. Cách tính điểm đánh giá điểm bộ phận, điểm học phần .....	12
Điều 19. Phúc tra và khiếu nại điểm.....	13
Điều 20. Đánh giá kết quả học tập.....	13
Điều 21. Tính điểm chung bình chung .....	14
Điều 22. Xếp hạng năm đào tạo và học lực.....	14
Điều 23. Cảnh báo kết quả học tập, tạm dừng tiến độ và buộc thôi học .....	15
Chương IV.....	16
<b>XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP .....</b>	<b>16</b>
Điều 24. Thực tập, làm đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp .....	16
Điều 25. Đánh giá đồ án, khoá luận tốt nghiệp .....	17
Điều 26. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp .....	17
Điều 27. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển loại hình đào tạo.....	18

Chương V .....	19
NGHỈ HỌC TẠM THỜI, THÔI HỌC, PHÂN NGÀNH, CHUYÊN KHÓA, CHUYÊN TRƯỜNG, HỌC CÙNG LÚC HAI CHƯƠNG TRÌNH .....	19
Điều 28. Nghỉ học tạm thời và cho thôi học.....	19
Điều 29. Phân chuyên ngành và chuyển ngành đào tạo .....	19
Điều 30. Học cùng lúc hai chương trình.....	20
Điều 31. Chuyển trường .....	20
Chương VI.....	21
XỬ LÝ VI PHẠM & ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	21
Điều 32. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên, cán bộ vi phạm các quy định về thi, kiểm tra .....	21
Điều 33. Phạm vi áp dụng và điều khoản thi hành .....	21

# Chương I

## NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy định này quy định đào tạo đại học chính quy, liên thông hệ chính, văn bằng 2 chính quy (gọi chung là đào tạo đại học chính quy) quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐHKTCN – Đại học Thái Nguyên (sau đây gọi tắt là ĐHKTCN), gồm: tổ chức đào tạo; đánh giá kết quả học tập; xét và công nhận tốt nghiệp.

2. Quy định này áp dụng đối với tất cả các đơn vị và cá nhân, các giảng viên và sinh viên các khoá đào tạo ở trình độ đại học hệ chính quy thực hiện theo hệ thống tín chỉ tại trường ĐHKTCN.

### **Điều 2. Sinh viên**

1. Sinh viên của trường ĐHKTCN là những người đã có quyết định trúng tuyển của các cấp có thẩm quyền vào trường.

2. Sinh viên dự thính là sinh viên đang học ở trường đại học khác, cán bộ đang công tác tại các cơ quan, xí nghiệp, viện nghiên cứu... có nguyện vọng đăng ký học một số học phần. Để được nhập học, sinh viên dự thính phải nộp hồ sơ xin học theo mẫu của Nhà trường; có thể phải dự kiểm tra điều kiện đầu vào theo quy định của Nhà trường; phải thực hiện các nhiệm vụ học tập, đóng học phí như sinh viên chính quy nhưng chỉ được cấp chứng chỉ môn học, không được hưởng các chế độ của sinh viên.

### **Điều 3. Đăng ký nhập học và sắp xếp ngành đào tạo**

1. Căn cứ vào quy chế tuyển sinh hiện hành và phương án tuyển sinh của Nhà Trường ở từng năm, Hội đồng tuyển sinh Trường công bố ngành đào tạo (hoặc nhóm ngành) của sinh viên trúng tuyển vào Trường.

2. Đối với trường hợp tuyển sinh theo nhóm ngành đào tạo trong kỳ thi tuyển sinh, đầu khoá học Nhà Trường công bố công khai chỉ tiêu đào tạo cho từng chương trình (hoặc từng ngành đào tạo). Căn cứ vào đăng ký chọn CTĐT (hoặc ngành đào tạo), điểm thi tuyển sinh và kết quả học tập, Nhà trường sắp xếp sinh viên vào các CTĐT (hoặc ngành đào tạo). Mỗi sinh viên được đăng ký một số nguyện vọng chọn CTĐT (hoặc ngành đào tạo) theo thứ tự ưu tiên. Hiệu trưởng quy định số lượng và tiêu chí cụ thể đối với từng CTĐT (hoặc ngành đào tạo) để sinh viên đăng ký.

3. Khi nhập học, sinh viên phải nộp cho Nhà trường đầy đủ những giấy tờ theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành và được Hội đồng tuyển sinh thông báo chi tiết trong giấy báo nhập học.

4. Sau khi nhập học, sinh viên được Nhà trường cấp thẻ sinh viên, cung cấp thông tin về CTĐT, nội dung và kế hoạch học tập toàn khóa học, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của người học.

### **Điều 4. Lớp sinh viên và giáo viên chủ nhiệm**

1. Lớp sinh viên tổ chức theo khoá học của ngành đào tạo. Lớp sinh viên duy trì trong cả khoá đào tạo, có tên riêng, có lớp trưởng, hệ thống đoàn, hội sinh viên. Mỗi lớp

sinh viên có một giáo viên chủ nhiệm.

2. Giáo viên chủ nhiệm đồng thời đảm nhiệm vai trò cố vấn học tập cho sinh viên trong việc lập kế hoạch học tập trong từng học kỳ và toàn bộ khoá học, ... . Tổ chức hoạt động của lớp sinh viên, vai trò và trách nhiệm của giáo viên chủ nhiệm được quy định trong Quy chế công tác sinh viên của trường ĐHKTCN.

## **Điều 5. Hệ thống tín chỉ, tín chỉ và học phí tín chỉ**

### **1. Hệ thống tín chỉ**

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ là phương thức đào tạo trong đó sinh viên chủ động lựa chọn học từng học phần (tuân theo một số ràng buộc được quy định trước) nhằm tích lũy từng phần, tiến tới hoàn tất toàn bộ CTĐT và được cấp văn bằng tốt nghiệp.

Trên cơ sở lượng hóa quá trình đào tạo thông qua khái niệm tín chỉ, hệ thống tín chỉ tạo điều kiện tối đa để cá nhân hóa quá trình đào tạo, trao quyền cho sinh viên trong việc đăng ký sắp xếp lịch học, việc tích lũy các học phần, kể cả sắp xếp thời gian học ở trường, thời gian tốt nghiệp, ra trường. Về phần mình, sinh viên có trách nhiệm phát huy tính tích cực, chủ động để thích ứng với quy trình đào tạo này và để đạt những kết quả tốt nhất trong học tập, rèn luyện.

### **2. Tín chỉ**

Tín chỉ (TC) là đơn vị quy chuẩn dùng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một TC được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết (trong CTĐT và tổ chức đào tạo, thường 1TC của học phần lý thuyết gồm 12 tiết học lý thuyết và 3 tiết bài tập); 30 tiết thực hành, thí nghiệm; 40 tiết thực tập tại Trung tâm thực nghiệm, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp; 60 tiết thực tập tốt nghiệp.

- Một tiết học lý thuyết, thảo luận, thực hành, thí nghiệm được tính bằng 50 phút. Riêng đối với thực hành tay nghề hay thực tập, một tiết được tính bằng 60 phút.

- Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ SV phải dành trung bình 30 giờ để chuẩn bị và tự học.

### **3. Học phí tín chỉ**

Học phí tín chỉ là đơn vị dùng để lượng hóa chi phí của các hoạt động giảng dạy, học tập tính cho từng học phần. Học phí sinh viên phải đóng trong mỗi học kỳ được xác định căn cứ theo số học phần mà sinh viên đăng ký và được chấp nhận, bằng tổng số học phí tín chỉ của từng học phần. Học phí tín chỉ của mỗi học phần bằng số tín chỉ học phí quy định cho học phần đó nhân với mức tiền học phí/1 tín chỉ học phí của học phần. Mức tiền học phí/ 1 tín chỉ học phí của từng học phần do Hiệu trưởng quy định theo từng học kỳ dựa trên các quy định hiện hành của Nhà nước.

## **Điều 6. Chương trình đào tạo, đề cương tóm tắt**

1. Chương trình đào tạo (CTĐT) cần thể hiện rõ: đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp; chuẩn đầu ra của CTĐT; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế; phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập; các điều kiện thực hiện CTĐT.

Mỗi chuyên ngành đào tạo tương ứng với một CTĐT. Mỗi CTĐT gắn với một ngành (kiểu đơn ngành) hoặc với một vài ngành (kiểu song ngành; kiểu ngành chính - phụ; kiểu hai văn bằng) và được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.

a) Khối kiến thức giáo dục đại cương (gồm các học phần thuộc các lĩnh vực khoa học xã hội, khoa học nhân văn, khoa học tự nhiên) nhằm trang bị cho người học nền học vấn rộng, có thể giới quan khoa học và nhân sinh quan đúng đắn, hiểu biết về tự nhiên, xã hội và con người, nắm vững phương pháp tư duy khoa học, biết trân trọng các di sản văn hoá của dân tộc và nhân loại, có đạo đức, nhận thức trách nhiệm công dân, có năng lực xây dựng và bảo vệ đất nước.

b) Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được chia thành 2 nhóm: nhóm kiến thức cơ sở (kiến thức cơ sở của ngành hoặc liên ngành) và nhóm kiến thức chuyên ngành nhằm cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cần thiết ban đầu.

2. Đề cương tóm tắt của từng học phần phải thể hiện rõ số TC; phân bổ thời lượng lý thuyết, thực hành, thí nghiệm; mô tả tóm tắt nội dung học phần; các học phần tiên quyết, học phần song hành, học phần học trước (theo đúng tiến trình đào tạo của chương trình); mục tiêu học phần; mục tiêu cụ thể - chuẩn đầu ra: chuẩn kiến thức, kỹ năng; các nội dung chính; nội dung đánh giá và cách thức đánh giá học phần (nhằm đạt được và đánh giá được mức độ hoàn thành theo chuẩn đầu ra); giáo trình, tài liệu tham khảo cho sinh viên. Đề cương tóm tắt các học phần do Trường khoa phê duyệt trên cơ sở kết luận của Hội đồng Khoa học - Đào tạo khoa, công bố cùng CTĐT và được giảng viên giới thiệu cho sinh viên ngay trong buổi học đầu tiên của học phần.

Tổng số tín chỉ quy định cho mỗi chương trình hệ đại học:

- Đối với khối ngành kỹ thuật, từ 150 đến 180 tín chỉ;
- Đối với khối ngành công nghệ và kinh tế, từ 120 đến 150 tín chỉ.
- Đối với các chương trình khác: theo đề án riêng.

3. Căn cứ vào ý kiến tư vấn của Hội đồng Khoa học và đào tạo trường, Hiệu trưởng ký ban hành các CTĐT để triển khai thực hiện.

## **Điều 7. Học phần**

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn các học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bổ đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải phù hợp với một mức trình độ của năm học tổ chức giảng dạy và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Mỗi học phần đều có mã số riêng.

2. Các loại học phần:

a) Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy.

b) Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của Nhà trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn.

c) Học phần tương đương là một hay một nhóm học phần thuộc CTĐT của một khóa, ngành khác đang tổ chức đào tạo tại trường hoặc tại một đơn vị khác thuộc Đại học được phép tích lũy để thay cho một học phần hay một nhóm học phần trong chương trình của ngành đào tạo.

d) Học phần thay thế được sử dụng khi một học phần có trong CTĐT nhưng nay không còn tổ chức giảng dạy nữa và được thay thế bằng một học phần khác đang còn tổ chức giảng dạy. *Các học phần hay nhóm học phần tương đương hoặc thay thế do khoa quản lý chuyên môn đề xuất, Hiệu trưởng phê duyệt trước khi bổ sung cho CTĐT trong quá trình tổ chức đào tạo. Những học phần này được áp dụng cho tất cả các khóa, các ngành hoặc chỉ được áp dụng hạn chế cho một số khóa, ngành.*

c) Học phần tiên quyết: Học phần A là học phần tiên quyết của học phần B, khi sinh viên muốn đăng ký học học phần B thì phải đăng ký học và thi đạt học phần A.

d) Học phần học trước: Học phần A là học phần học trước của học phần B, khi sinh viên muốn đăng ký học học phần B thì phải đăng ký và học xong học phần A.

e) Học phần song hành: Các học phần song hành với học phần A là những học phần mà sinh viên phải theo học trước hoặc học đồng thời với học phần A.

f) Học phần đặc biệt: Các học phần đặc biệt là các học phần không tính tích lũy tín chỉ nhưng sinh viên phải học và được cấp chứng chỉ mới đủ điều kiện tốt nghiệp bao gồm: học phần giáo dục quốc phòng, học phần giáo dục thể chất, học phần thí điểm.

g) Học phần đặc thù: Các học phần chủ yếu mang tính chất tích lũy năng lực và kỹ năng, hình thức đánh giá và cách tính điểm tổng kết đối với các học phần này có thể được áp dụng riêng. Các học phần đặc thù do Hội đồng khoa đề nghị, Nhà trường xem xét và quyết định.

## Chương II TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

### Điều 8. Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Nhà trường tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ

a) Khoá học là khoảng thời gian chuẩn được thiết kế để sinh viên hoàn thành một CTĐT, cụ thể:

- 4,5 năm cho khối ngành kỹ thuật (5 năm đối với riêng các khóa tuyển sinh từ năm 2015 trở về trước); 4 năm cho khối ngành công nghệ và kinh tế công nghiệp cho những người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

- 2 năm cho khối ngành kỹ thuật và công nghệ; 1,5 năm cho khối ngành kinh tế công nghiệp đối với những người có bằng tốt nghiệp cao đẳng cùng ngành đào tạo.

b) Một năm học gồm hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 16 tuần, trong đó có ít nhất 15 tuần dành các hoạt động giảng dạy, học tập, kiểm tra và 3 đến 5 tuần thi kết thúc học phần.



Ngoài hai học kỳ chính, nhà trường tổ chức học kỳ phụ (học kỳ hè) nhằm tạo thêm cơ hội học tập cho sinh viên học lại, học cải thiện. Sinh viên đăng ký học lại, học cải thiện trong học kỳ phụ trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc và không được miễn giảm học phí theo quy định như ở học kỳ chính.

Thời gian biểu tiến hành các hoạt động học tập giảng dạy và lịch tổ chức đánh giá trong mỗi học kỳ kể cả các ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết được quy định trong kế hoạch học tập chung do Hiệu trưởng ban hành hàng năm.

2. Căn cứ vào khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu quy định cho các CTĐT, Phòng Đào tạo tư vấn và Hiệu trưởng quyết định điều chỉnh dự kiến phân bổ số học phần cụ thể cho từng năm học và học kỳ.

3. Thời gian tối đa hoàn thành CTĐT cụ thể: 2 lần thời gian thiết kế cho chương trình quy định trong khoản 1 của Điều này.

Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên (ưu tiên 1 và 2) theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình, trừ khi thuộc diện bị buộc thôi học.

### **Điều 9. Tổ chức lớp học phần và điều kiện mở lớp**

Lớp học phần được tổ chức theo từng học phần dựa trên kết quả đăng ký học tập của sinh viên, có thời khoá biểu, lịch thi, mã số riêng. Mỗi lớp học phần có một lớp trưởng, lớp phó do giảng viên phụ trách học phần chỉ định.

Tùy theo số lượng sinh viên, số lớp học phần cần tổ chức và điều kiện cơ sở vật chất của Nhà trường, phòng Đào tạo sắp xếp thời khoá biểu học tập, lịch thi kết thúc học phần cho phù hợp.

- Số lượng tối thiểu để xem xét mở lớp học phần trong học kỳ đối với các học phần lý thuyết là:

+ Tối thiểu 30 sinh viên đăng ký cho đa số các học phần.

+ Trong trường hợp không đủ 30 sinh viên đăng ký, nếu có đề nghị của khoa, Nhà trường sẽ xem xét để mở các lớp có sĩ số dưới 30 sinh viên.

- Số lượng tối thiểu để xem xét mở lớp học phần trong học kỳ đối với các học phần thực hành, thí nghiệm và thực tập là:

+ Tối thiểu 10 sinh viên đăng ký cho đa số các học phần.

+ Trong trường hợp không đủ 10 sinh viên đăng ký, nếu có đề nghị của khoa và Trung tâm Thực nghiệm, Nhà trường sẽ xem xét để mở các lớp có sĩ số dưới 10 sinh viên.

Nếu số lượng sinh viên đăng ký ít hơn quy định nói trên, lớp học phần sẽ bị hủy và sinh viên phải đăng ký chuyển sang lớp khác hoặc học những học phần khác cho đủ khối lượng kiến thức tối thiểu quy định trong mỗi học kỳ

## **Điều 10. Trách nhiệm của Nhà trường và sinh viên trong việc đăng ký học phần**

### **1. Trách nhiệm của Nhà trường**

Đầu khóa học, Nhà trường cung cấp cho sinh viên CTĐT ngành học, quy chế đào tạo và bố trí giáo viên chủ nhiệm (cố vấn học tập) cho từng lớp sinh viên.

Đầu mỗi năm học, Nhà trường thông báo công khai kế hoạch học tập dự kiến cho từng CTĐT trong từng học kỳ, dự kiến quy mô và số lớp học phần sẽ mở, liệt kê các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ tổ chức.

Đầu mỗi học kỳ (thường là trước thời điểm bắt đầu học kỳ 2 tuần), Nhà trường thông báo cho sinh viên kế hoạch đăng ký học phần, những học phần sẽ giảng dạy trong học kỳ và thời khóa biểu của từng học phần tương ứng.

### **2. Trách nhiệm giáo viên chủ nhiệm**

Tư vấn, hỗ trợ sinh viên trong việc xây dựng kế hoạch học tập, đăng ký học phần theo đúng quy định của Nhà trường.

### **3. Trách nhiệm của sinh viên**

Tất cả sinh viên phải thực hiện đăng ký học phần theo kế hoạch của Nhà trường trước khi học kỳ mới bắt đầu.

Tuỳ theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, sinh viên nên tham khảo giáo viên chủ nhiệm về các học phần dự định sẽ đăng ký trong học kỳ để được tư vấn và hỗ trợ đăng ký.

Sinh viên chịu trách nhiệm về việc bảo mật tài khoản đăng ký, kết quả đăng ký của cá nhân; phải chủ động in thời khóa biểu để tham gia học tập ngay từ đầu học kỳ.

## **Điều 11. Thời gian, phương thức đăng ký và số tín chỉ đăng ký**

### **1. Thời gian**

Trước mỗi học kỳ chính từ 1 đến 2 tuần, trước học kỳ phụ (kỳ hè) 1 tuần.

### **2. Phương thức đăng ký**

- Thực hiện đăng ký theo kế hoạch của nhà trường (có thông báo và hướng dẫn cụ thể khi thực hiện).

a- Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.

### **3. Số tín chỉ đăng ký**

Khối lượng học tập tối thiểu và tối đa mà mỗi sinh viên phải đăng ký học trong mỗi học kỳ chính được quy định như sau:

a) Tối thiểu 14 tín chỉ, trừ học kỳ cuối khoá học, đối với những sinh viên xếp hạng học lực bình thường;

b) Tối thiểu 9 tín chỉ, tối đa 15 tín chỉ, trừ học kỳ cuối khoá học đối với những sinh viên xếp hạng học lực yếu;

c) Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên ở học kỳ phụ.

## **Điều 12. Đăng ký học lại, học tiếp và học cải thiện điểm**

a). Sinh viên có điểm học phần của học phần bắt buộc là F thì phải đăng ký học lại học phần đó hoặc thi lại (nếu có) cho đến khi đạt điểm A, B, C hoặc D. Đối với những học phần đang còn tổ chức đào tạo sinh viên bắt buộc phải đăng ký học lại những học phần đó, chỉ những học phần không còn tổ chức đào tạo nữa sinh viên mới có thể đăng ký học các học phần thay thế.

b). Sinh viên có điểm học phần của học phần tự chọn là F có thể đăng ký học lại học phần đó hoặc đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

c). Sinh viên làm đề án hoặc khóa luận tốt nghiệp mà không hoàn thành trong học kỳ có thể đăng ký làm tiếp ở học kỳ tiếp theo (nếu được sự đồng ý của giảng viên hướng dẫn).

d). Sinh viên có điểm học phần đạt C và D được phép đăng ký học cải thiện điểm hoặc đăng ký thi cải thiện điểm (nếu có).

e). Sinh viên đăng ký học lại, học cải thiện điểm phải nộp học phí theo quy định của Trường.

f). Sinh viên đăng ký học tiếp, thi lại học phần nào (nếu có) phải nộp học phí hoặc lệ phí tương ứng bằng 50% học phí học phần đó.

## **Điều 13. Rút bớt học phần đã đăng ký**

1. Việc rút học phần giúp sinh viên cải thiện được kết quả học tập.

2. Thời gian

a) Trong 2 tuần đầu học kỳ chính hoặc trong 1 tuần của học kỳ phụ (kỳ hè) theo thông báo của Nhà trường.

b) Trước khi thi kết thúc học kỳ khoảng 2 đến 3 tuần theo thông báo của nhà trường.

3. Phương thức: việc rút học phần thực hiện trực tuyến tại địa chỉ <http://dkmh.tnut.edu.vn> hoặc làm đơn gửi phòng Đào tạo thông qua văn phòng khoa.

4. Trong khi rút học phần sinh viên phải cân đối tổng số tín chỉ tích lũy phù hợp với năm thứ, điểm trung bình học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để tránh bị cảnh báo học tập và chuyển khóa đào tạo.

5. Khi rút học phần trong thời gian quy định trong khoản 2, mục a của Điều này, sinh viên không phải nộp học phí của học phần đã rút; nếu rút học phần trong khoản 2, mục b của Điều này, sinh viên không phải nhận điểm F những vẫn phải nộp học phí học phần đó; nếu sinh viên không rút học phần quy định trong khoản 2 mà tự ý bỏ học sẽ phải nhận điểm F và vẫn phải nộp học phí các học phần đó.

6. Chỉ sau khi có giấy báo của phòng Đào tạo cho giảng viên phụ trách lớp học phần, hoặc xem kết quả tại địa chỉ <http://dkmh.edu.vn> sinh viên mới được phép dừng học tập trên lớp đối với các học phần xin rút bớt.

### Chương III

## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

### Điều 14. Đánh giá học phần và chuyển điểm học phần

1. Đối với học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành:

1.1. Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận bao gồm: điểm kiểm tra quá trình, điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm bài tập, nhiệm vụ về nhà; điểm đánh giá phần thực hành; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần. Trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số là 60% (trừ chương trình tiên tiến).

1.2. Mỗi học phần lý thuyết phải đảm bảo tối thiểu 2 điểm kiểm tra quá trình và 1 điểm tổng hợp cho các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm bài tập, nhiệm vụ về nhà. Số lượng bài kiểm tra ngắn (15 phút) và số lượng bài tập nộp do bộ môn quyết định theo đề cương chi tiết của mỗi học phần đã được Hội đồng khoa thông qua và được quy định công khai trong đề cương chi tiết của học phần.

1.3. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận.

2. Đối với học phần tiểu luận, đồ án môn học và đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp (gọi tắt là đồ án), điểm học phần là điểm chấm hoặc điểm bảo vệ báo cáo tiểu luận, đồ án.

3. Đối với học phần thí nghiệm, thực hành, thực tập, điểm học phần là điểm chấm hoặc điểm bảo vệ báo cáo thí nghiệm, bài tập thực hành, thực tập.

### Điều 15. Miễn thi, miễn học và chuyển điểm học phần

#### 1. Miễn thi và thưởng điểm:

*Các trường hợp được xét miễn thi và thưởng điểm:*

- SV đạt thành tích xuất sắc hoặc đặc biệt trong quá trình học (theo tiêu chí do Khoa công bố vào đầu học kỳ);

- SV đạt giải (từ khuyến khích trở lên) trong các kỳ thi Olympic cấp quốc gia; là thành viên dự thi Olympic quốc tế; đạt kết quả xuất sắc trong các cuộc thi chuyên đề cấp trường; có báo cáo khoa học ở cấp Đại học, cấp quốc gia;

- SV đạt thành tích trong các kỳ thi, sân chơi khoa học, công nghệ, kỹ thuật, thể dục thể thao cấp trường, cấp Quốc gia; Sinh viên có thành tích trong hoạt động hỗ trợ, dẫn dắt các nhóm sinh viên trong học tập đạt kết quả tốt được giảng viên phụ trách lớp học phần ghi nhận.

*Tổ chức xét miễn thi và thưởng điểm:*

Các Khoa tổ chức xét miễn thi và ghi điểm thưởng vào tổng kết cho môn học có liên quan trực tiếp đến các trường hợp được miễn thi, thưởng điểm nêu trên (với sự đồng ý của GV phụ trách môn học) và chuyển cho Nhà trường xem xét, quyết định. Nếu môn

học đã thi và đã có điểm thì điểm thưởng được cộng vào điểm tổng kết học phần hoặc ghi vào mục điểm chuyên/bảo lưu.

## **2. Miễn học và chuyển điểm:**

Các trường hợp được xét miễn học và chuyển điểm:

a) Đã có điểm đạt môn học (hoặc môn tương đương) ở cùng bậc, hệ đào tạo trong khóa học đã được cấp bằng tại trường ĐHKTCN.

b) Đã có điểm đạt môn học (hoặc môn tương đương) ở cùng bậc, hệ đào tạo trong khóa học trước đó tại trường ĐHKTCN khi được chuyển từ hệ chính quy sang hệ VLVH. Thời hạn xét miễn bằng thời gian đào tạo tối đa của chương trình VLVH tính từ thời điểm nhập học chính quy đến thời điểm xét.

c) Đã đạt kết quả cao trong kỳ kiểm tra ngoại ngữ khi nhập học (nếu có) hoặc có các chứng chỉ ngoại ngữ đạt yêu cầu: được xét chuyển điểm cho các môn ngoại ngữ theo các quy định riêng của trường.

d) SV tham gia học tập và có bảng điểm hợp lệ tại các cơ sở đào tạo (trường đại học, cao đẳng, học viện, viện nghiên cứu) khác trong và ngoài nước, được sự đồng ý của nhà trường thì được xem xét công nhận điểm cho các học phần trong CTĐT.

e) Điểm thi lại của các học phần đặc thù (quy định theo Mục g, Khoản 2, Điều 6) được chuyển điểm.

*Tổ chức xét miễn học và chuyển điểm:*

- Trường phòng đào tạo xét miễn học và chuyển điểm vào điểm tổng kết cho môn học có liên quan trực tiếp đến các trường hợp được miễn học và chuyển điểm nêu trên. Các trường hợp đặc biệt cần tham khảo ý kiến của các khoa, bộ môn chuyên môn trước khi ra quyết định.

- Riêng trường hợp (d), Hội đồng khoa và trưởng các khoa có liên quan (nếu có) xem xét các học phần được quy đổi, trình Nhà trường xem xét quyết định;

## **3. Miễn học và ghi điểm miễn:**

*Các trường hợp được xét miễn học và ghi điểm miễn:*

- Đã đạt chứng chỉ hoặc đã hoàn tất các học phần chính trị, Giáo dục quốc phòng (GDQP), Giáo dục thể chất (GDTC).

- Đã có điểm đạt môn học được trường ĐHKTCN xác định là môn thay thế trên cơ sở xem xét hai CTĐT của hai trường ở cùng bậc, hệ đào tạo tại các trường khác (áp dụng riêng cho hệ đại học bằng 2).

- Đã có điểm đạt môn học được trường ĐHKTCN xác định các môn thay thế trên cơ sở xem xét hai CTĐT của bậc cao đẳng và CTĐT của trường ĐHKTCN (áp dụng riêng cho hệ đại học liên thông).

*Tổ chức xét miễn học và chuyển điểm:*

Hội đồng khoa và trưởng các khoa có liên quan (nếu có) xác định các học phần được miễn học và ghi điểm miễn, trình Nhà trường xem xét quyết định.

Tổng số tín chỉ được xét miễn không quá 20% tổng số tín chỉ của CTĐT.